

Số: **631** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **28** tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế
và nghỉ hưu trước tuổi khối huyện năm 2024 (đợt 4)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ Quy định về tinh giản biên chế;

Căn cứ Thông tư số 13/2024/TT-BTC ngày 23/2/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW ngày 20/12/2019 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ thôi tái cử cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị xã hội các cấp;

Theo đề nghị của UBND huyện Sơn Tây tại Công văn số 1197/UBND ngày 14/5/2024, UBND thị xã Đức Phổ tại Công văn số 1228/UBND ngày 04/5/2024 và số 1288/UBND ngày 13/5/2024 và đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 1635/STC-NS ngày 22/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế và nghỉ hưu trước tuổi khối huyện năm 2024 (đợt 4), với tổng kinh phí là 1.367.650 ngàn đồng. Nguồn kinh phí thực hiện:

- Từ nguồn cải cách tiền lương của huyện, thị xã năm 2024: 1.344.912 ngàn đồng.

- Từ nguồn thu, nguồn tự chủ của các đơn vị: 22.738 ngàn đồng.

(Chi tiết như phụ lục 01,02 đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm tổng hợp nhu cầu cải cách tiền lương, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính theo quy định.

2. UBND huyện Sơn Tây và thị xã Đức Phở chịu trách nhiệm:

a) Sử dụng nguồn cải cách tiền lương của huyện, thị xã để thực hiện chính sách tại Điều 1 Quyết định này đúng mục đích, đúng đối tượng và quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Tổng hợp kinh phí chi trả và báo cáo nhu cầu cải cách tiền lương của huyện, thị xã theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính; Nội vụ; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND huyện Sơn Tây; Chủ tịch UBND thị xã Đức Phở; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT HĐND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KTTH;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC(Vi703).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hoàng Tuấn

PHỤ LỤC 01

(Kèm theo Quyết định số **631** /QĐ-UBND ngày **28** /5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)



TT	Huyện, thành phố	Kinh phí chi trả (1.000 đồng)			Nguồn kinh phí chi trả (1.000 đồng)		
		Tổng cộng	Nghỉ hưu trước tuổi	Thôi việc ngay	Tổng cộng	Nguồn đơn vị chi trả	Nguồn NSNN cấp
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6
	TỔNG CỘNG	1.367.650	984.862	382.788	1.367.650	22.738	1.344.912
A	Nghị định số 29/2023/NĐ-CP	1.259.816	877.028	382.788	1.259.816	22.738	1.237.078
1	Huyện Sơn Tây	308.743	308.743	0	308.743	0	308.743
2	Thị xã Đức Phổ	951.073	568.285	382.788	951.073	22.738	928.335
B	Nghị định số 26/2015/NĐ-CP	107.834	107.834	0	107.834	0	107.834
1	Thị xã Đức Phổ	107.834	107.834	0	107.834	0	107.834



TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhận	Số năm đóng BHXH	Tiền lương tháng hiện hưởng (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi do đóng BHXH (1.000đ)	Tuổi khi giải quyết tình trạng biên chế	Thời điểm tình trạng biên chế	Thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Kinh phí chi trả (1.000 đồng)			Nguồn kinh phí chi trả (1.000 đồng)		
											Tổng cộng	Nghỉ hưu trước tuổi	Thời việc ngay	Tổng cộng	Nguồn đơn vị chi trả	Nguồn NSNN cấp
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=12+13	12	13	14=15+16	15	16
3	Võ Thương Hùng	11/12/1966	Đại học	Giáo viên	35 năm 04 tháng	12.639	10.850	57 tuổi	01/01/2024	05 năm	301.095	301.095				301.095
4	Trần Thanh Tùng	08/3/1967	Cao đẳng	Giáo viên	34 năm 07 tháng	11.531	9.716	57 tuổi	01/4/2024	05 năm	267.190	267.190				267.190
	Khởi hành chính															
*	Thời việc ngay															
	Văn phòng HEND và UBND thị xã															
5	Trịnh Đức Thương	12/5/1967	Không	Nhân viên	38 năm 05 tháng	7.579	6.235	56 tuổi 07 tháng	01/01/2024	05 năm 05 tháng	382.788	382.788	382.788	22.738		360.050
B	Theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP															
III THỊ XÃ ĐỨC PHỐ																
*	Nghỉ hưu trước tuổi															
1	Lê Văn Nguyễn	02/03/1965	Trung cấp	Chủ tịch UBNDTT QVN xã Phong	28 năm 8 tháng	7.668	5.829	58 tuổi 09 tháng	01/01/2024	02 năm 9 tháng	107.834	107.834				107.834

B Theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP

III THỊ XÃ ĐỨC PHỐ

*** Nghỉ hưu trước tuổi**

Chủ tịch UBNDTT QVN xã Phong

Trung cấp

02/03/1965

Lê Văn Nguyễn

1